

Họ, tên thí sinh:
Số báo danh:

Mã đề thi 212

- Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Ag = 108; Ba = 137.
• Giả thiết các khí sinh ra không tan trong nước.

Câu 41: Poliacrilonitrin được điều chế trực tiếp từ monome nào sau đây?

- A. $\text{CH}_2 = \text{CH}_2$.
B. $\text{CH}_2 = \text{CH} - \text{CH} = \text{CH}_2$.
C. $\text{CH}_2 = \text{CH} - \text{Cl}$.
D. $\text{CH}_2 = \text{CH} - \text{CN}$.

Câu 42: Kim loại nào sau đây có tính khử mạnh nhất?

- A. Pb. B. Mg. C. Cu. D. Ag.

Câu 43: Thủy phân hoàn toàn triglicerit X trong dung dịch NaOH thu được $\text{C}_{15}\text{H}_{31}\text{COONa}$ và $\text{C}_2\text{H}_5(\text{OH})_3$. Công thức của X là

- A. $(\text{C}_{17}\text{H}_{31}\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$.
B. $(\text{C}_{17}\text{H}_{33}\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$.
C. $(\text{C}_{15}\text{H}_{31}\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$.
D. $(\text{C}_{17}\text{H}_{35}\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$.

Câu 44: Trong tự nhiên, canxi sunfat tồn tại dưới dạng muối ngậm nước gọi là thạch cao sống. Công thức của thạch cao sống là

- A. $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$. B. CaCO_3 . C. CaSO_4 . D. $\text{Ca}(\text{OH})_2$.

Câu 45: Andehit axetic có công thức là

- A. CH_3CHO . B. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{OH}$. C. CH_3COOH . D. HCHO .

Câu 46: Công thức hóa học của phèn chua là

- A. $\text{Li}_2\text{SO}_4 \cdot \text{Al}_2(\text{SO}_4)_3 \cdot 24\text{H}_2\text{O}$.
B. $\text{K}_2\text{SO}_4 \cdot \text{Al}_2(\text{SO}_4)_3 \cdot 24\text{H}_2\text{O}$.
C. $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4 \cdot \text{Al}_2(\text{SO}_4)_3 \cdot 24\text{H}_2\text{O}$.
D. $\text{Na}_2\text{SO}_4 \cdot \text{Al}_2(\text{SO}_4)_3 \cdot 24\text{H}_2\text{O}$.

Câu 47: Al_2O_3 tác dụng với dung dịch chất nào sau đây sinh ra AlCl_3 ?

- A. H_2SO_4 . B. NaOH. C. NaCl. D. HCl.

Câu 48: Hợp chất CH_3NHCH_3 có tên là

- A. dimetylamin. B. propylamin. C. etylmetylamin. D. dietylamín.

Câu 49: Chất nào sau đây làm mềm được nước có tính cứng vĩnh cửu?

- A. MgCl_2 . B. HCl. C. HNO_3 . D. Na_2CO_3 .

Câu 50: Kim loại nào sau đây tác dụng với dung dịch H_2SO_4 loãng sinh ra khí H_2 ?

- A. Cu. B. Zn. C. Au. D. Ag.

Câu 51: Crom(III) oxit là

- A. oxit trung tính. B. oxit axit. C. oxit lưỡng tính. D. oxit bazơ.

Câu 52: Ở cùng điều kiện, kim loại nào sau đây có khối lượng riêng nhỏ nhất?

- A. K. B. Na. C. Cs. D. Li.

Câu 53: Cho kim loại Fe tác dụng với dung dịch HNO_3 (đặc, nóng, dư) thu được chất nào sau đây?

- A. $\text{Fe}(\text{OH})_2$. B. $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$. C. $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$. D. Fe_2O_3 .

Câu 54: Dung dịch chất nào sau đây làm quỳ tím chuyển sang màu xanh?

- A. HCl. B. NaOH. C. H_2SO_4 . D. NaCl.

Câu 55: Số nguyên tử oxy trong phân tử saccarozơ là

- A. 5. B. 6. C. 11. D. 12.

Câu 56: Mưa axit gây ảnh hưởng đối với cây trồng; sinh vật sống trong ao hồ, sông ngòi. Khí nào sau đây là tác nhân chính gây ra mưa axit?

- A. CH_4 . B. O_3 . C. SO_2 . D. CO_2 .

Câu 57: Kim loại nào sau đây điều chế được bằng phương pháp thủy luyện?

A. Ca.

B. Na.

☒ C. Ag.

☒ D. K.

Câu 58: Na_2CO_3 là hóa chất quan trọng trong công nghiệp sản xuất thủy tinh, bột giặt, phẩm nhuộm, giấy, sợi. Tên của Na_2CO_3 là

☒ A. natri cacbonat.

B. natri hidrocacbonat.

C. natri clorua.

D. natri sunfat.

Câu 59: Công thức của etyl fomat là

A. HCOOC_2H_5 .

B. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$.

☒ C. $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$.

D. HCOOCH_3 .

Câu 60: Chất nào sau đây có chứa nguyên tố nitơ trong phân tử?

A. Saccarozơ.

☒ B. Alanin.

C. Etyl fomat.

D. Tristearin.

Câu 61: Khối lượng etylamin cần để tác dụng vừa đủ với 0,01 mol HCl là

☒ A. 0,90 gam.

☒ B. 0,45 gam.

C. 0,59 gam.

D. 0,31 gam.

Câu 62: Cho các polime sau: polietilen, poli(metyl metacrylat), poli(vinyl clorua), poliacrilonitrin. Số polime điều chế được bằng phản ứng trùng hợp là

☒ A. 4.

☒ B. 3.

C. 2.

D. 1.

Câu 63: Cho 8,8 gam este X đơn chức phản ứng hoàn toàn với dung dịch NaOH, thu được 3,2 gam CH_3OH . Tên của X là

A. propyl fomat.

B. metyl propionat.

C. etyl axetat.

☒ D. metyl axetat.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây sai?

A. Amilopectin có cấu trúc mạch phân nhánh.

B. Fructozơ và glucosơ là đồng phân của nhau.

C. Fructozơ là sản phẩm của phản ứng thủy phân tinh bột.

☒ D. Thủy phân hoàn toàn xenlulozơ thu được glucosơ.

Câu 65: Thực hiện phản ứng este hóa giữa $\text{HOCH}_2\text{CH}_2\text{OH}$ với hỗn hợp CH_3COOH và $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOH}$ thu được tối đa bao nhiêu este hai chức?

☒ A. 1.

B. 3.

C. 2.

D. 4.

Câu 66: Oxi hóa hoàn toàn 11,42 gam hỗn hợp X (gồm Mg, Al và Zn) bằng O_2 , thu được 17,5 gam hỗn hợp Y gồm các oxit. Cho Y tác dụng vừa đủ với dung dịch H_2SO_4 loãng, thu được dung dịch chứa m gam muối trung hòa. Giá trị của m là

A. 53,98.

☒ B. 47,90.

C. 29,66.

D. 48,66.

Câu 67: Từ 405 kg tinh bột (chứa 20% tạp chất trơ) sản xuất được m kg glucosơ với hiệu suất toàn bộ quá trình là 80%. Giá trị của m là

A. 288.

☒ B. 72.

C. 216.

D. 360.

Câu 68: Cho 5,6 gam bột Fe tác dụng vừa đủ với V ml dung dịch CuSO_4 1M. Giá trị của V là

A. 100.

☒ B. 50.

C. 150.

D. 200.

Câu 69: Cho Fe_2O_3 vào dung dịch HCl dư, thu được dung dịch X. Thêm tiếp dung dịch NaOH vào X, thu được kết tủa Y. Công thức của Y là

A. FeCl_2 .

☒ B. FeCl_3 .

C. $\text{Fe}(\text{OH})_3$.

D. $\text{Fe}(\text{OH})_2$.

Câu 70: Phát biểu nào sau đây đúng?

☒ A. Kim loại Na được bảo quản bằng cách ngâm chìm trong dầu hỏa.

☒ B. Kim loại Al tan được trong H_2SO_4 đặc, nguội.

C. Tất cả các kim loại kiềm thổ đều tan tốt trong nước ở nhiệt độ thường.

D. Sự tạo thành thạch nhũ trong hang động là do CaCO_3 bị phân hủy thành CaO.

Câu 71: Cho 13,9 gam hỗn hợp Fe và kim loại M tác dụng với dung dịch HNO_3 dư, thu được dung dịch X (không chứa muối amoni) và 0,45 mol hỗn hợp B (gồm NO và NO_2) có tỉ khối so với H_2 bằng 19. Cô cạn X thu được m gam hỗn hợp muối Y. Nung Y đến khối lượng không đổi thu được chất rắn Z và hỗn hợp E gồm khí và hơi. Cho toàn bộ E vào 200 gam nước, không có khí thoát ra và dung dịch thu được chỉ chứa một chất tan, có nồng độ 19,078%. Giá trị của m gần nhất với giá trị nào sau đây?

A. 48,6.

B. 69,7.

☒ C. 118,3.

D. 70,6.

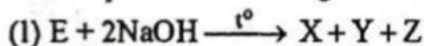
Câu 72: Hỗn hợp E gồm hai hidrocarbon mạch hở X, Y với $M_X < M_Y < 80$. Cho 0,12 mol E, có khối lượng 5,5 gam, vào lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 thu được 25,83 gam hỗn hợp kết tủa. Biết các phản ứng đều xảy ra hoàn toàn. Phần trăm khối lượng của Y trong E là

- A. 54,55%. B. 36,36%. C. 63,64%. D. 45,45%.

Câu 73: Nung nóng 1,1 mol hỗn hợp X gồm N_2 và H_2 trong bình kín (xúc tác bột Fe) thu được hỗn hợp khí Y có tỉ khối so với H_2 bằng 5,65. Dẫn Y qua ống sứ chứa bột CuO (dư, đun nóng), sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được chất rắn Z và 23,3 gam hỗn hợp gồm N_2 và H_2O . Hiệu suất phản ứng tổng hợp NH_3 là

- A. 14,29%. B. 42,86%. C. 20,00%. D. 18,75%.

Câu 74: Phân tích nguyên tố hợp chất hữu cơ mạch hở E cho kết quả phần trăm khối lượng cacbon, hidro, oxi lần lượt là 40,68%; 5,08%; 54,24%. Phương pháp phân tích phổ khối lượng (phổ MS) cho biết E có phân tử khối bằng 118. Từ E thực hiện sơ đồ các phản ứng sau theo đúng tỉ lệ mol:



Biết: Z là ancol đơn chức; F và T là các hợp chất hữu cơ; $M_F < M_T$.

Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Trong Y, số nguyên tử hidro bằng số nguyên tử oxi.
B. Chất F không có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc.
C. Chất T thuộc loại hợp chất hữu cơ đa chức.
D. Nhiệt độ sôi của Z cao hơn nhiệt độ sôi của etanol.

Câu 75: Hỗn hợp E gồm ba este mạch hở X, Y, Z (chỉ chứa chức este) đều tạo bởi axit cacboxylic với ancol no, trong đó: X đơn chức, Y hai chức, Z ba chức. Đốt cháy m gam E trong O_2 dư, thu được 1,1 mol CO_2 và 0,88 mol H_2O . Mặt khác, cho m gam E phản ứng vừa đủ với dung dịch NaOH, thu được hỗn hợp F gồm các ancol và 30,56 gam hỗn hợp muối khan T. Đốt cháy toàn bộ T thu được Na_2CO_3 , 0,53 mol CO_2 và 0,51 mol H_2O . Biết các phản ứng đều xảy ra hoàn toàn, các muối trong T đều không có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc. Phần trăm khối lượng của X trong E là

- A. 80,38%. B. 10,77%. C. 10,91%. D. 8,70%.

Câu 76: Thực hiện thí nghiệm theo các bước sau:

Bước 1: Cho một đinh sắt đã cạo sạch gỉ vào ống nghiệm.

Bước 2: Thêm tiếp vào ống nghiệm 4 – 5 ml dung dịch H_2SO_4 loãng.

Bước 3: Lấy đinh sắt ra rồi nhỏ dần từng giọt dung dịch $K_2Cr_2O_7$ trong H_2SO_4 loãng vào ống nghiệm và lắc đều.

Cho các phát biểu sau:

- (a) Trong bước 2, xuất hiện bọt khí không màu.
(b) Trong bước 2, kim loại sắt bị oxi hóa thành hợp chất sắt(II).
(c) Trong bước 3, hợp chất sắt(II) bị oxi hóa thành hợp chất sắt(III).
(d) Trong bước 3, hợp chất crom(VI) bị oxi hóa thành hợp chất crom(III).
(đ) Ở bước 2, nếu thay dung dịch H_2SO_4 loãng bằng dung dịch HCl thì không xuất hiện bọt khí.

Số phát biểu đúng là

- A. 3. B. 4. C. 2. D. 1.

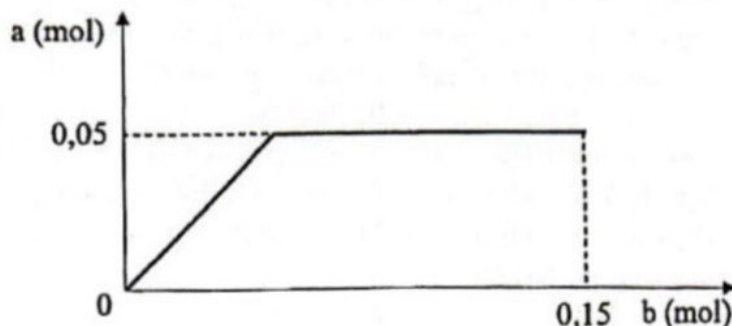
Câu 77: Cho các phát biểu sau:

- (a) Nhôm bị thụ động trong dung dịch HNO_3 đặc, nguội.
(b) Sục khí CO_2 đến dư vào dung dịch $NaAlO_2$ thu được kết tủa.
(c) Ở nhiệt độ cao, nhôm khử được nhiều ion kim loại trong oxit.
(d) Các chất Al, Al_2O_3 đều tác dụng được với dung dịch NaOH và dung dịch HCl.
(đ) Hỗn hợp criolit và nhôm oxit có nhiệt độ nóng chảy cao hơn nhiệt độ nóng chảy của nhôm oxit.

Số phát biểu đúng là

- A. 4. B. 3. C. 1. D. 2.

Câu 78: Cho m gam hỗn hợp X (gồm Na, Na_2O , Ba và BaO) vào H_2O dư, thu được dung dịch Y và 0,025 mol H_2 . Sục từ từ đến hết 0,15 mol CO_2 vào Y, thu được dung dịch Z và kết tủa BaCO_3 . Sự phụ thuộc của số mol kết tủa BaCO_3 (a mol) vào số mol CO_2 (b mol) được biểu diễn theo đồ thị bên.



Cho từ từ đến hết Z vào 75 ml dung dịch HCl 1M, thu được 0,05 mol CO_2 . Biết các phản ứng đều xảy ra hoàn toàn. Giá trị của m là

A. 23,30.

B. 11,90.

C. 10,30.

D. 7,05.

Câu 79: Cho các phát biểu sau:

- (a) Lysin có tính chất lưỡng tính.
- (b) Ala-Gly có phản ứng màu biure.
- (c) Bột ngọt (mì chính) là muối dinatri của axit glutamic.
- (d) Dung dịch axit glutamic không làm chuyển màu quỳ tím.
- (đ) Axit 6-aminohexanoic là nguyên liệu để sản xuất tơ nilon-6,6.

Số phát biểu đúng là

A. 4.

B. 2.

C. 1.

D. 3.

Câu 80: Poli(etylen terephtalat) (viết tắt là PET) là một polime được điều chế từ axit terephtalic và etylen glicol. PET được sử dụng để sản xuất tơ, chai đựng nước uống, hộp đựng thực phẩm. Để thuận lợi cho việc nhận biết, sử dụng và tái chế thì các đồ nhựa làm từ vật liệu chứa PET thường được in kí hiệu như hình bên.

Cho các phát biểu sau:

- (a) PET thuộc loại poliamit.
- (b) Tơ được chế tạo từ PET thuộc loại tơ nhân tạo.
- (c) Trong một mắt xích PET, phần trăm khối lượng cacbon là 57,14%.
- (d) Phản ứng tổng hợp PET từ axit terephtalic và etylen glicol thuộc loại phản ứng trùng ngưng.
- (đ) 1 mol axit terephtalic phản ứng với dung dịch NaHCO_3 dư sinh ra tối đa 2 mol CO_2 .

Số phát biểu đúng là

A. 5.

B. 2.

C. 4.

D. 3.

HẾT

Good luck